

15 Tháng Ba 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn



Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,184.56	0.25	6.25	55.50
HNX	275.19	0.47	22.36	171.44
UPCOM	80.82	0.61	9.50	60.08
MSCI EM	1,348.20	-0.69	-6.23	51.28
NIKKEI	29,766.97	0.17	-1.05	70.77
HANG SENG	28,833.76	0.33	-4.44	19.98
KOSPI	3,045.71	-0.28	-3.22	71.93
FTSE	6,799.47	0.56	0.64	26.71
S&P 500	3,943.34	0.10	0.22	45.46
NASDAQ	13,319.86	-0.59	-5.50	69.14

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.25	2.48	13.70
SET INDEX	33.99	1.72	4.35
JCI INDEX	34.05	1.64	4.09
PCOMP INDEX	29.41	1.61	6.15

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-200
5 năm	1.10	2	6	-76
10 năm	2.37	2	14	-1

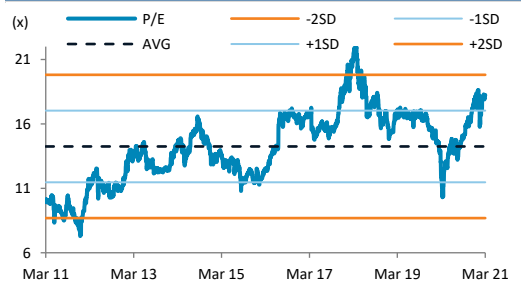
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,072	-0.11	-0.33	0.67
US\$/KRW	1,136	-0.23	-3.07	7.89
US\$/JPY	109	-0.03	-3.37	-2.96
US\$/EUR	0.84	0.13	1.60	-6.34
US\$/GBP	0.72	-0.15	-0.28	-11.99
US\$/SGD	1.34	0.01	-1.61	5.67

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	568	593	313
HNX	99	90	38
UPCOM	44	43	19

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Chờ đợi lực cầu mới

Sau 2 phiên giao dịch tăng điểm khá tốt vào tuần trước, VN-Index đi vào vùng 1.180 điểm và giao dịch trở nên giằng co, tương tự như những lần tiệm cận mốc 1.200 điểm lần trước. Kết phiên VN-Index đóng cửa tại 1.184,5 điểm, tăng 3 điểm, tương ứng +0,2% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 15.105 tỷ đồng, HNX: 2.150 tỷ đồng, UPCOM: 990 tỷ đồng.

Dòng tiền ngày hôm nay có xu hướng tập trung vào nhóm Mid-cap, ngoài VN-30 khi tỷ lệ giao dịch VN-30/Mid & Penny là xấp xỉ 6.000 tỷ/9.000 tỷ. Nhóm Dầu khí tiếp tục phiên điều chỉnh, trong khi đó nhóm Ngân hàng là lực kéo chính cho VN-Index với đa số mã sắc xanh.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh 474 tỷ đồng, nhưng đều ở khắp các mã, không có mã nào trong phiên hôm nay bị bán quá 100 tỷ đồng.

Phiên giao dịch tăng điểm nhẹ khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index chưa được cải thiện nhiều. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện đang ở mức +2, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	4	KHẢ QUAN
Nikkei 225	5	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

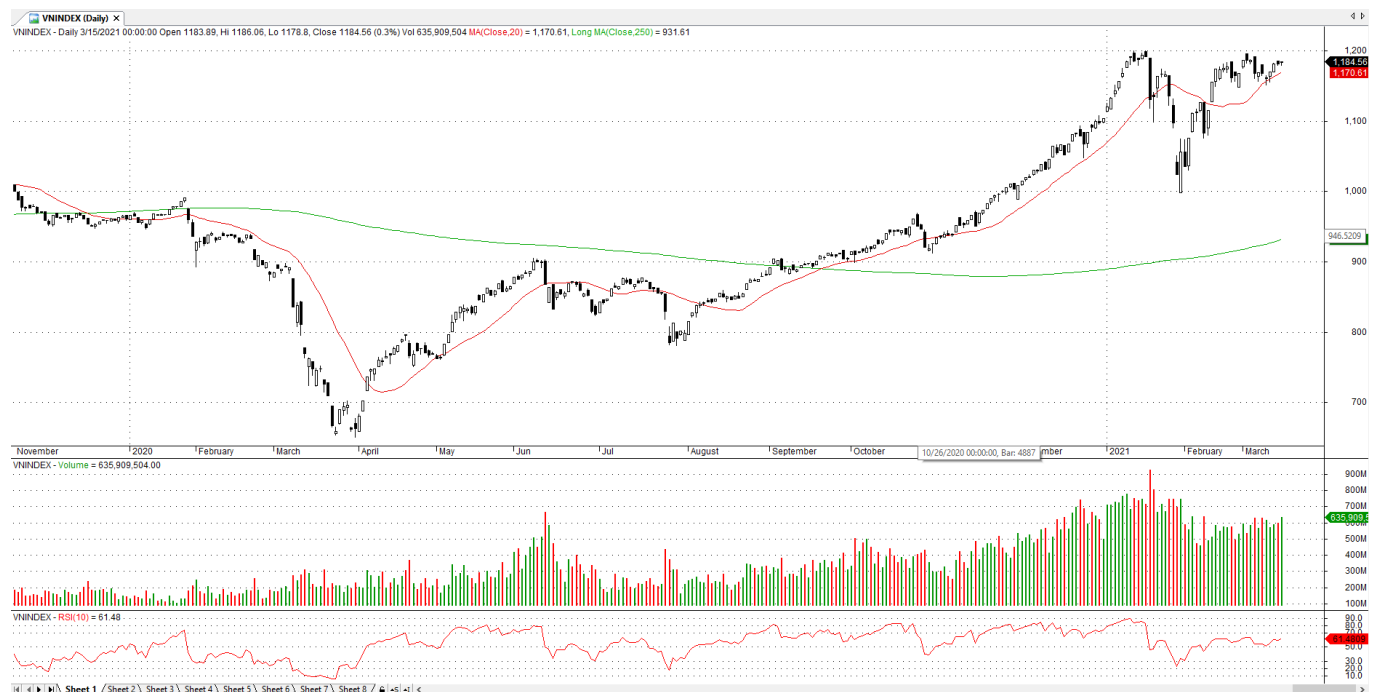
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (15/03/2021)	Kháng cự 1	1.200
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.100
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.000

Khi đi vào vùng 1.180 điểm, VN-Index tiếp tục thể hiện xu hướng giằng co như những lần trước tiệm cận 1.200 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (15/03/2021)	1.181	Kháng cự 1	1.200
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.300
VN30 – đóng cửa	1.190	Hỗ trợ 1	1.100
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-2.0	Hỗ trợ 2	1.000

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	2	TRUNG TÍNH

VN30F1M có phiên giao dịch với biên độ hẹp trước phiên giằng co của thị trường cơ sở.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.75	3,418,170	5	KHẢ QUAN	3,714	12.0	1.0
ACB	33.5	11,866,300	5	KHẢ QUAN	72,412	9.4	2.0
ASM	16.45	3,850,015	2	TRUNG TÍNH	4,258	8.6	0.9
BID	43	1,902,045	0	TRUNG TÍNH	172,947	24.7	2.3
BSR	16.4	17,512,996	4	KHẢ QUAN	50,848	18.3	1.5
BVH	60.1	666,465	2	TRUNG TÍNH	44,614	28.8	2.2
CEO	12.2	5,242,660	4	KHẢ QUAN	3,140	#N/A N/A	1.1
CII	23.7	2,579,040	6	KHẢ QUAN	5,660	20.0	1.2
CTD	80.5	879,655	7	KHẢ QUAN	5,906	13.8	0.7
CTG	38	9,640,980	-2	TRUNG TÍNH	141,489	10.3	1.7
CTR	101.2	542,905	2	TRUNG TÍNH	7,264	39.4	8.1
DBC	59.4	2,217,480	5	KHẢ QUAN	6,223	4.3	1.5
DCM	16.4	4,664,880	2	TRUNG TÍNH	8,682	15.9	1.4
DGC	75.4	896,390	7	KHẢ QUAN	11,217	13.2	2.9
DGW	124.5	371,295	5	KHẢ QUAN	5,354	21.0	4.7
DHC	84.1	419,605	7	KHẢ QUAN	4,709	12.2	3.4
DIG	31.7	4,486,320	0	TRUNG TÍNH	9,984	15.2	2.1
DPM	18.8	2,869,085	2	TRUNG TÍNH	7,357	11.3	0.9
DRC	27.85	1,903,665	0	TRUNG TÍNH	3,308	12.9	2.0
DXG	23.9	8,075,880	-2	TRUNG TÍNH	12,387	#N/A N/A	2.0
FCN	14.75	3,269,680	7	KHẢ QUAN	1,850	15.6	0.8
FLC	7.38	17,144,250	7	KHẢ QUAN	5,240	32.7	0.6
FPT	76.5	2,387,890	-2	TRUNG TÍNH	59,969	16.9	3.8
FRT	28.55	1,473,320	6	KHẢ QUAN	2,255	91.2	1.9
GAS	91.1	1,165,460	-2	TRUNG TÍNH	174,361	22.6	3.6
GEX	22.6	5,585,005	2	TRUNG TÍNH	10,893	13.6	1.6
GIL	71.5	626,490	2	TRUNG TÍNH	2,573	6.2	2.0
GMD	31.95	2,311,445	-6	TIÊU CỰC	9,629	28.2	1.6
GTN	25.1	1,703,910	-3	TRUNG TÍNH	6,275	61.4	2.4
GVR	30.3	4,337,690	6	KHẢ QUAN	121,200	28.3	2.6
HAG	5.27	7,005,375	5	KHẢ QUAN	4,860	#N/A N/A	0.8
HAH	24.6	1,768,750	0	TRUNG TÍNH	1,166	9.0	1.1
HBC	18.2	7,825,545	0	TRUNG TÍNH	4,237	56.9	1.2
HCM	32.05	4,662,190	2	TRUNG TÍNH	9,777	18.4	2.2
HDB	26.65	4,320,925	2	TRUNG TÍNH	42,474	10.0	1.8
HDC	44.4	1,199,990	2	TRUNG TÍNH	2,953	12.8	2.6
HDG	46.85	1,792,910	4	KHẢ QUAN	7,228	7.5	2.3
HNG	12.5	8,520,955	6	KHẢ QUAN	13,857	644.9	1.6
HPG	46.5	21,247,764	4	KHẢ QUAN	154,068	11.5	2.6
HPX	36.05	1,030,010	-2	TRUNG TÍNH	9,535	34.7	3.0
HQC	3.2	14,448,265	7	KHẢ QUAN	1,568	163.4	0.4
HSG	28.15	9,780,940	0	TRUNG TÍNH	12,507	8.3	1.8
HUT	6	6,209,840	2	TRUNG TÍNH	1,612	#N/A N/A	0.5
HVN	30.5	1,316,410	2	TRUNG TÍNH	42,832	#N/A N/A	6.7
IDC	37.5	4,573,835	-6	TIÊU CỰC	11,250	37.3	3.1
IJC	30.4	7,697,530	-4	TIÊU CỰC	6,600	11.9	2.0
ITA	7.17	9,679,685	7	KHẢ QUAN	6,728	38.7	0.6
KBC	40.3	5,094,925	1	TRUNG TÍNH	18,931	110.9	2.0
KDC	50.9	1,210,715	-2	TRUNG TÍNH	11,643	51.1	2.0
KDH	31.35	1,572,315	-6	TIÊU CỰC	17,519	15.3	2.2
KSB	34.5	1,978,175	2	TRUNG TÍNH	2,299	8.2	1.5
LCG	16.3	5,565,540	-4	TIÊU CỰC	1,879	6.0	1.1

LDG	8	6,360,545	5	KHẢ QUAN	1,916	160.0	0.6
LPB	16.35	12,995,340	6	KHẢ QUAN	17,570	9.4	1.2
MBB	28.35	19,180,620	2	TRUNG TÍNH	80,884	9.7	1.7
MBS	23.2	1,937,925	2	TRUNG TÍNH	3,812	14.2	1.9
MSN	88.5	1,277,295	-2	TRUNG TÍNH	103,959	84.0	6.5
MWG	132.7	1,017,040	-2	TRUNG TÍNH	61,855	15.3	3.9
NKG	21.65	6,313,595	4	KHẢ QUAN	3,724	12.7	1.2
NLG	35.65	1,901,830	-2	TRUNG TÍNH	9,813	12.0	1.7
NVB	14.4	6,044,190	-3	TRUNG TÍNH	5,858	4,833.4	1.4
NVL	81.9	2,193,485	-2	TRUNG TÍNH	87,138	20.6	3.2
OIL	14.8	2,620,010	2	TRUNG TÍNH	15,307	66.4	1.6
PDR	67	3,730,965	4	KHẢ QUAN	26,543	22.6	5.2
PET	23.05	2,444,775	7	KHẢ QUAN	1,926	14.4	1.2
PHR	61.7	939,675	-2	TRUNG TÍNH	8,360	7.7	2.6
PLX	57.1	2,954,300	-4	TIÊU CỰC	69,594	90.4	3.3
PNJ	84.1	491,480	3	TRUNG TÍNH	19,122	17.8	3.6
POW	13.7	14,748,235	6	KHẢ QUAN	32,084	14.6	1.1
PVD	23.95	12,425,450	-2	TRUNG TÍNH	10,086	84.2	0.7
PVS	24.1	14,448,880	-4	TIÊU CỰC	11,519	17.8	0.9
PVT	18.3	5,461,420	4	KHẢ QUAN	5,923	9.4	1.2
REE	54.9	942,370	-4	TIÊU CỰC	16,967	10.5	1.5
ROS	3.88	14,120,225	7	KHẢ QUAN	2,202	1,293.3	0.4
S99	30.8	2,020,825	-2	TRUNG TÍNH	1,615	9.9	2.1
SBT	23.8	4,426,150	6	KHẢ QUAN	14,688	25.2	1.9
SCR	9.31	4,269,710	7	KHẢ QUAN	3,411	19.2	0.7
SHB	18.3	25,085,584	7	KHẢ QUAN	31,159	11.3	1.3
SHS	27.8	7,225,235	2	TRUNG TÍNH	5,762	7.6	1.8
SSI	33.2	12,508,640	-4	TIÊU CỰC	19,887	15.9	2.0
STB	19.05	21,336,424	4	KHẢ QUAN	34,089	12.7	1.2
SZC	42	1,045,450	2	TRUNG TÍNH	4,200	22.6	3.3
TCB	40.1	13,648,055	2	TRUNG TÍNH	140,547	11.4	1.9
TCH	22.7	4,869,975	6	KHẢ QUAN	8,019	8.8	1.6
TDC	23.7	1,603,850	3	TRUNG TÍNH	2,370	14.2	1.9
TNG	24.3	2,728,580	2	TRUNG TÍNH	1,933	11.6	1.6
TPB	28.7	4,075,560	0	TRUNG TÍNH	29,609	8.2	1.8
VCB	96.3	1,352,470	0	TRUNG TÍNH	357,165	19.4	3.6
VCI	61	1,095,140	7	KHẢ QUAN	10,102	13.1	2.2
VGJ	19.3	2,299,405	-2	TRUNG TÍNH	9,650	34.3	1.6
VHC	42.35	1,217,465	2	TRUNG TÍNH	7,705	10.9	1.5
VHM	99.8	2,675,325	-2	TRUNG TÍNH	328,293	11.8	3.8
VIC	106	1,290,370	-4	TIÊU CỰC	358,538	67.5	4.6
VIX	41.45	6,248,650	5	KHẢ QUAN	5,294	16.1	3.0
VJC	135	639,835	-4	TIÊU CỰC	70,718	1,022.1	4.7
VND	29.1	4,721,815	6	KHẢ QUAN	6,108	8.7	1.6
VNM	102.2	2,887,585	-2	TRUNG TÍNH	213,593	21.4	6.8
VPB	44.8	6,070,260	7	KHẢ QUAN	109,973	10.5	2.1
VPI	34.5	1,222,425	0	TRUNG TÍNH	6,900	22.5	2.5
VRE	34.45	4,711,120	4	KHẢ QUAN	78,281	32.9	2.7

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Trung Quốc đặt lại mục tiêu GDP và lộ trình kinh tế hậu dịch Covid-19

Các nhà quan sát nhận định rằng việc Trung Quốc đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế trên 6% trong năm nay cho thấy nước này sẵn sàng áp dụng các biện pháp để duy trì sự tăng trưởng mạnh mẽ cho nền kinh tế. Là điểm nhấn nổi bật hàng đầu của kỳ họp “Lưỡng hội” hàng năm (bao gồm Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc - hay Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và cuộc họp của Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc - tức Quốc hội), Báo cáo công tác chính phủ được cho là văn kiện thể hiện rõ ràng nhất thực tế phát triển kinh tế chính trị và xu hướng chính sách tương lai của Trung Quốc. Báo cáo năm nay phản ánh việc Trung Quốc cơ bản phục hồi về trạng thái trước khi xảy ra đại dịch Covid-19 sau hơn một năm nỗ lực chống dịch. Đó là lý do Thủ tướng Lý Khắc Cường tuyên bố giảm tỷ lệ thâm hụt ngân sách xuống mức 3,2%, không tiếp tục phát hành trái phiếu đặc biệt, và vấn đề này càng được thể hiện rõ nét trong việc thiết lập vùng mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt, chính phủ Trung Quốc cũng phá vỡ giới hạn thâm hụt ngân sách 3%, giảm thuế trên quy mô lớn cho doanh nghiệp để phục hồi nền kinh tế, cũng như phát hành 1.000 tỷ nhân dân tệ (NDT) trái phiếu đặc biệt phòng chống dịch bệnh. Mặc dù phải trả một cái giá không hề nhỏ, nhưng Trung Quốc trở thành nền kinh tế chủ chốt duy nhất trên toàn cầu ghi nhận mức tăng trưởng dương trong năm 2020.

Covid-19 bùng phát trở lại, Italia phong tỏa diện rộng

Ước tính khoảng 3/4 dân số Italia bị ảnh hưởng vì đợt phong tỏa mới nhất này, theo New York Times. Nhiều vùng ở Bắc Italia, cùng với Lazio và Marche ở Trung Italia và Ampania, Puglia ở phía nam sẽ đóng cửa trường học. Người dân không được rời khỏi nhà trừ lý do công việc, y tế hoặc nhu cầu thiết yếu. Chỉ siêu thị, nhà thuốc và một vài loại cửa hàng được hoạt động kinh doanh. Mọi nhà hàng phải đóng cửa. Ngoài các vùng bị phong tỏa do dịch tái bùng phát, người dân ở những nơi khác cũng bị hạn chế rời khỏi địa phương của mình ngoại trừ những lý do thiết yếu. Trường học và đa số cửa hàng ở các nơi này vẫn được hoạt động. Trong tuần qua, Italia ghi nhận số ca nhiễm virus corona tăng đến 15%. Nguyên nhân được cho là do biến chủng SARS-CoV-2 từ Anh với khả năng lây nhiễm cao hơn, và việc chủng ngừa Covid-19 còn chậm. Chưa đến 2 triệu người ở Italia được tiêm vaccine phòng Covid-19, do các hãng dược giao hàng chậm trễ và các thách thức hậu cần ở một số vùng.

Việt Nam xuất siêu 1,64 tỷ USD trong 2 tháng đầu năm

Tổng cục Hải quan vừa thông tin tổng kim ngạch xuất khẩu nửa cuối tháng 2 đạt 10,23 tỷ USD, tăng 2,9% so với những ngày đầu tháng, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu 2 tháng đầu năm đạt hơn 48,7 tỷ USD, tăng gần 24% so với cùng kỳ năm ngoái. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh như điện thoại các loại & linh kiện tăng 201 triệu USD, sắt thép các loại tăng 179 triệu USD, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 157 triệu USD. Kim ngạch xuất khẩu nửa cuối tháng 2 của khu vực doanh nghiệp FDI đạt 7,91 tỷ USD, tăng hơn 5% so với những ngày đầu tháng, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu tháng 2 lên hơn 37 tỷ USD, tăng hơn 32%, chiếm gần 76% tổng giá trị xuất khẩu cả nước. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu nửa cuối tháng 2 đạt gần 11,4 tỷ USD, tăng 23% so với nửa đầu tháng, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu 2 tháng đầu năm đạt hơn 47,1 tỷ USD, tăng gần 26% so với cùng kỳ 2020. Một số mặt hàng nhập khẩu tăng mạnh như máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng tăng 299 triệu USD, tiếp đến là chất dẻo nguyên liệu tăng 177 triệu USD, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng thứ 3, đạt 164 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu nửa cuối tháng 2 của doanh nghiệp FDI đạt hơn 7,5 tỷ USD, tăng 18% so với nửa đầu tháng, nâng tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 2 lên hơn 31,5 tỷ USD, tăng hơn 30%, chiếm gần 67% tổng giá trị nhập khẩu cả nước. Nhìn chung, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu nửa cuối tháng 2 đạt 21,6 tỷ USD, tăng 12,6% so với nửa đầu tháng, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu tháng 2 lên 95,85 tỷ USD, tăng hơn 24% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, cán cân thương mại thặng dư 1,64 tỷ USD trong 2 tháng đầu năm.

BCG: đặt kế hoạch LNST tăng 186% lên 800 tỷ đồng

Bamboo Capital (BCG) vừa lên kế hoạch năm 2021 khá tham vọng với mục tiêu LNST 2021 vào mức 800 tỷ đồng, tăng 186%. Trong đó, bên cạnh mảng bất động sản, mảng năng lượng (đóng điện vào cuối năm 2020) cũng sẽ đóng góp một phần đáng kể trong năm 2021.

PPC: đặt kế hoạch lãi trước thuế năm 2021 chưa đến 1/3 thực hiện năm trước

CTCP Nhiệt điện Phả Lại công bố báo cáo thường niên năm 2020 trong đó có báo cáo các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm và kế hoạch kinh doanh năm 2021. Về hoạt động sản xuất, năm 2020 tổng lượng điện sản xuất đạt 5.776,7 triệu kWh, chỉ hoàn thành 93,17% kế hoạch. Trong đó sản lượng tại dây chuyền 2 đạt hơn 3.904 triệu kWh, còn lại từ dây chuyền 1. Sản lượng điện bán ra cũng chỉ

hoàn thành hơn 94% kế hoạch, đạt 5.265,47 triệu kWh. Trong đó sản lượng điện bán ra từ dây chuyền đạt gần 3.583,4 triệu kWh. Về hoạt động kinh doanh, số liệu trên BCTC hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán ghi nhận, doanh thu đạt 7.929 tỷ đồng, giảm 3% so với năm 2019, trong đó riêng doanh thu bán điện đạt gần 7.908 tỷ đồng. Chi phí giá vốn cao dẫn đến lợi nhuận gộp còn hơn 1.009 tỷ đồng, giảm 21,1% so với cùng kỳ.

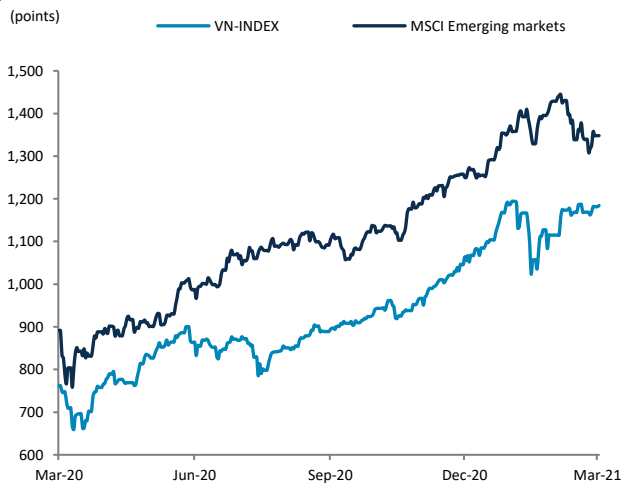
PDR: tạm ứng thêm cổ tức cổ phiếu 10%

Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HoSE: PDR) thông báo chốt danh sách cổ đông vào ngày 24/3 để thực hiện quyền tạm ứng cổ tức đợt 2/2020. Tỷ lệ chia cổ tức là 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 1 cổ phiếu mới. Tổng khối lượng phát hành đợt này là hơn 39,6 triệu cổ phiếu, qua đó tăng vốn từ 3.962 tỷ đồng lên 4.323 tỷ đồng. Nguồn thực hiện từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC đã được kiểm toán.

QNS: chia cổ tức 25% bằng tiền

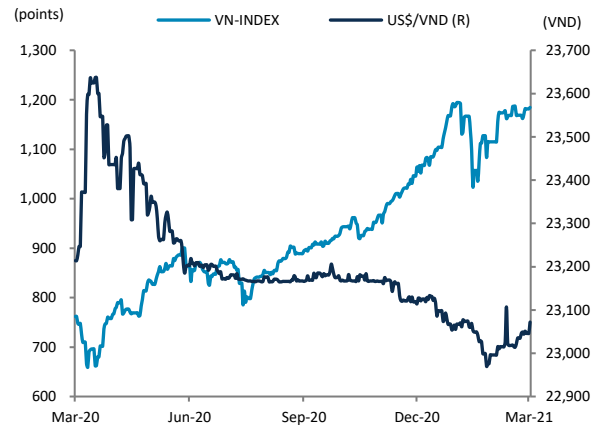
Công ty Đường Quảng Ngãi (UPCoM: QNS) vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021. Công ty đặt mục tiêu tổng doanh thu 8.000 tỷ đồng, tăng 19%. Lợi nhuận sau thuế kế hoạch là 913 tỷ đồng, bằng kế hoạch năm 2020 nhưng giảm 13% so với thực hiện năm 2020. Kế hoạch cổ tức từ 15% trở lên. Năm ngoái Đường Quảng Ngãi ghi nhận tổng doanh thu giảm 15% về 6.702 tỷ. Lợi nhuận sau thuế giảm 18% còn 1.053 tỷ đồng, vượt 15% kế hoạch năm. Một tờ trình khác là phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021. Tỷ lệ phát hành là 1% trên lượng cổ phiếu đang lưu hành nếu tăng trưởng tạo vốn (lợi nhuận sau thuế và khấu hao cơ bản) từ 20-30% hoặc tỷ lệ 2% khi tăng trưởng tạo vốn trên 30%. Giá phát hành theo giá sổ sách tại cuối năm 2021, cổ phiếu ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 3 năm.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



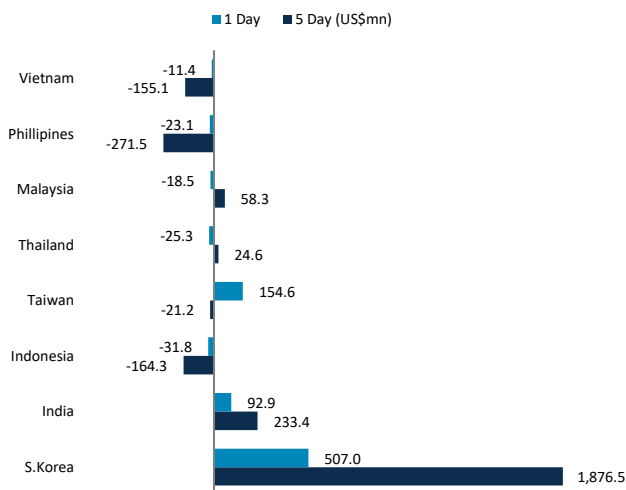
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



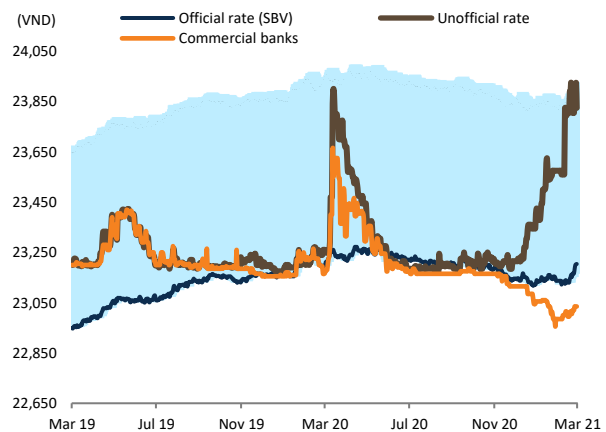
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



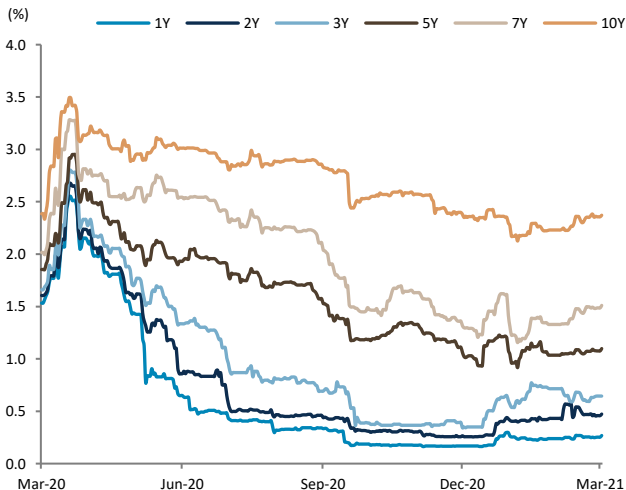
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



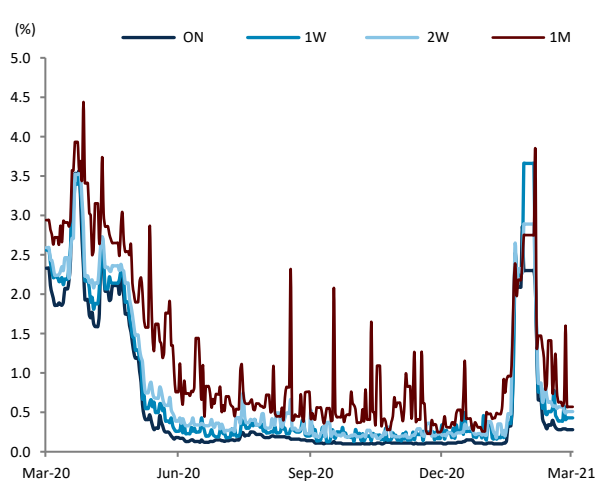
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN30 Index	VN30 Index	1,190.86	3,063,291		0.3	1.8	5.4	66.2	15.3	13.0	2.6	2.3	18.0	17.6	19.3	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	43,000	172,947	17.2	-0.8	1.3	5.4	22.9	17.8	11.7	2.0	1.7	52.2	13.2	16.9	
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	60,100	44,614	27.7	-0.7	1.7	0.3	48.6	27.4	21.9	2.1	2.0	25.0	8.2	9.5	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	38,000	141,489	28.0	0.1	0.3	7.3	73.1	8.5	7.9	1.4	1.3	7.6	18.1	17.1	
CTCP FPT	FPT VN	76,500	59,969	49.0	0.0	0.9	2.5	82.7	15.2	13.1	3.4	3.0	15.9	25.1	25.8	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	91,100	174,361	2.8	0.0	-4.1	12.1	59.8	17.3	17.1	3.3	NA	1.2	19.6	19.0	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	26,650	42,474	17.0	0.0	2.7	10.6	91.2	8.2	6.9	NA	NA	19.7	19.5	18.7	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	46,500	154,068	30.5	0.1	0.4	11.2	192.9	9.3	8.3	2.1	1.7	11.5	25.9	23.3	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	31,350	17,519	35.5	0.6	0.8	-1.7	56.0	14.3	10.9	2.0	1.7	31.8	15.5	17.6	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	28,900	80,884	23.1	2.3	4.7	16.8	96.2	7.9	6.7	1.4	1.2	19.2	20.1	20.1	
Tập đoàn Masan	MSN VN	88,500	103,959	32.3	1.4	1.3	-0.2	77.5	41.5	22.8	5.1	4.1	81.9	14.6	20.9	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	132,700	61,855	49.0	1.2	1.5	2.5	68.0	12.5	9.7	3.1	2.6	29.2	27.9	28.7	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	81,900	87,138	6.7	-0.4	0.6	3.7	56.3	21.7	20.2	2.6	2.2	7.7	10.4	9.4	
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	67,000	26,543	1.4	-0.3	7.5	6.7	217.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	57,100	69,594	16.0	2.7	-2.2	7.7	58.0	21.5	17.4	3.0	2.9	23.3	15.9	17.2	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	84,100	19,122	49.0	1.6	0.6	0.6	36.5	15.3	12.2	3.2	2.5	26.0	23.2	24.7	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,700	32,084	5.3	-0.4	-3.2	10.9	53.9	14.7	13.0	1.1	1.0	13.0	7.5	7.9	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	54,900	16,967	49.0	-1.1	-2.0	-3.7	94.7	9.5	7.9	1.3	1.2	19.9	14.7	15.3	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	23,800	14,688	7.9	0.0	6.7	8.7	49.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	33,200	19,887	42.8	-0.9	-1.0	4.6	189.6	13.9	13.8	NA	NA	0.5	13.5	12.8	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	18,900	34,089	9.3	-1.6	1.6	4.1	81.7	13.0	7.8	1.1	1.0	66.0	9.1	13.5	
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	40,100	140,547	22.5	0.1	3.2	11.4	119.7	9.5	8.3	1.6	1.3	15.1	18.2	17.6	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,700	8,019	5.5	0.2	2.9	6.6	3.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	28,700	29,609	30.0	0.3	0.7	6.9	78.5	7.6	5.5	1.4	1.2	38.8	23.3	24.1	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	96,300	357,165	23.6	0.5	1.2	-0.9	35.6	17.1	13.7	3.0	2.6	24.7	20.3	21.3	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	99,800	328,293	22.4	-0.1	2.7	3.1	38.6	10.7	8.9	2.9	2.2	19.8	30.5	28.2	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	106,000	358,538	14.0	0.1	0.0	-0.2	14.6	46.4	34.7	3.8	3.4	33.5	8.7	11.3	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	135,000	70,718	19.3	0.0	-0.7	4.7	33.7	65.4	23.1	4.3	3.5	182.7	7.6	18.8	
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	102,200	213,593	56.8	0.0	0.0	-5.4	23.8	19.8	18.3	6.2	5.5	8.2	35.7	34.9	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	44,800	109,973	23.4	0.7	8.3	16.4	99.1	9.1	7.7	1.7	1.4	19.0	20.4	19.9	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	34,450	78,281	31.0	-0.6	0.0	9.2	42.4	26.9	20.8	2.4	2.2	29.5	9.6	11.4	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN-Index	3.00	4,415,242	0.3	1.4	6.2	55.5	18.3	15.0	2.5	2.4	21.9	13.7	17.8	
Ô tô và phụ tùng	0.02	8,349	0.9	1.9	8.3	55.3	6.0	5.6	1.1	1.0	25.5	11.1	10.7	
Ngân hàng	1.38	1,320,602	0.4	2.2	8.2	54.3	12.4	9.9	1.9	1.6	18.8	17.9	18.4	
Xây dựng cơ bản	0.21	177,062	0.5	1.5	9.8	100.3	5.4	4.5	0.4	0.3	NA	5.6	5.6	
Dịch vụ thương mại	0.01	4,746	0.5	1.4	2.8	38.7	6.8	5.4	NA	NA	-29.7	11.2	13.1	
May mặc và trang sức	0.03	38,195	0.3	1.2	8.8	149.3	11.7	9.4	2.3	1.8	-6.1	18.3	18.1	
Dịch vụ tiêu dùng	-0.03	9,620	-0.4	-1.8	11.4	56.5	14.2	4.9	NA	NA	NA	3.7	9.8	
Dịch vụ tài chính	0.17	69,796	1.0	3.2	14.3	146.5	8.4	4.0	NA	NA	51.2	8.1	3.7	
Năng lượng	0.51	88,932	2.2	1.9	8.8	72.8	21.7	16.9	2.5	2.5	-63.2	13.6	14.8	
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.44	545,121	0.3	1.4	-0.3	45.4	21.3	16.0	4.5	3.9	-14.5	22.5	23.5	
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.01	994	2.7	4.0	17.9	58.8	NA	NA	NA	NA	-40.0	NA	NA	
Hàng cá nhân và gia dụng	0.11	13,274	3.3	5.6	35.4	6.5	7.8	6.9	NA	NA	51.3	24.3	24.3	
Bảo hiểm	-0.07	51,615	-0.5	0.8	1.6	44.9	24.4	19.5	1.9	1.7	28.9	7.5	8.7	
Nguyên vật liệu	-0.51	387,178	-0.5	2.4	17.6	114.5	14.4	14.4	1.0	0.9	59.8	16.0	14.5	
Giải trí và truyền thông	0.00	1,251	0.0	0.5	1.0	-46.8	NA	NA	NA	NA	-61.6	NA	NA	
Dược phẩm	0.09	35,668	1.0	2.5	6.5	31.0	NA	NA	NA	NA	11.9	NA	NA	
Bất động sản	0.13	1,076,490	0.1	0.2	3.3	43.7	9.3	8.3	1.7	1.6	-26.7	9.8	9.8	
Bán lẻ	0.20	70,124	1.1	1.6	2.6	69.7	23.1	17.8	2.6	2.2	-2.4	14.7	15.1	
Phần mềm và dịch vụ	0.00	64,139	0.0	0.2	3.1	81.7	11.6	9.0	2.7	2.3	10.2	25.1	26.0	
Thiết bị và phần cứng	0.09	5,354	7.0	10.2	46.6	467.2	14.2	12.2	3.2	2.8	48.6	23.4	24.1	
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,162	1.3	-1.9	18.0	286.7	14.3	11.6	3.7	2.9	14.2	26.9	26.6	
Vận tải	0.21	176,021	0.5	0.1	7.6	47.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tiện ích	-0.05	264,592	-0.1	-0.7	10.4	50.7	29.0	11.1	2.1	1.7	-28.8	-9.1	3.8	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	96,300	0.52	1,438,400	0.49
PLX VN	57,100	2.70	4,551,600	0.49
MBB VN	28,900	2.30	23,273,400	0.49
MSN VN	88,500	1.37	1,188,500	0.38
ACB VN	33,500	1.67	18,052,500	0.32
LGC VN	71,500	6.72	2,100	0.23
MSB VN	21,500	3.37	11,402,000	0.20
MWG VN	132,700	1.22	766,800	0.20
VPB VN	44,800	0.67	5,081,100	0.20
BCM VN	58,300	1.04	3,100	0.17

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GVR VN	30,300	-1.94	2,472,900	-0.64
BID VN	43,000	-0.81	2,779,700	-0.38
SAB VN	177,000	-0.56	114,100	-0.17
STB VN	18,900	-1.56	22,954,100	-0.14
VRE VN	34,450	-0.58	3,034,700	-0.12
HVN VN	30,200	-0.82	1,081,900	-0.09
VHM VN	99,800	-0.10	2,288,400	-0.09
NVL VN	81,900	-0.36	2,639,900	-0.09
BVH VN	60,100	-0.66	393,400	-0.08
GTN VN	25,100	-3.46	2,378,200	-0.06

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.